

An Sinh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 – 2025
NHÓM, LỚP: 3 TUỔI 1

Căn cứ kế hoạch số 143/KHCSNDGD-MNASB ngày 16 tháng 08 năm 2024 của trường mầm non An Sinh B.

Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, Trang thiết bị dạy học và tình hình thực tế của lớp, lớp mẫu giáo 3 tuổi 1 xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE AN TOÀN

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Tổ chức ăn	
MT1: Trẻ được ăn theo thực đơn, Chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường, nguồn thực phẩm của địa phương và được thay đổi không trùng lặp. Trẻ được ăn đủ bữa ăn : 1 bữa chính và 1 bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định.	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal. - Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 – 726 Kcal. - Ăn một bữa chính vào buổi trưa và một bữa phụ vào buổi chiều. - Ăn theo thực đơn, ăn đủ khẩu phần và cân đối về dưỡng chất. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25%

	đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Uống đủ nước: khoảng 0,8 – 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - <i>Ăn uống lành mạnh, thực hiện quy tắc, hành vi lịch sự khi ăn uống</i>
2. Tổ chức ngủ	
MT2 : Trẻ được Ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút) + Mùa hè: từ 11h20 – 13h50); + Mùa đông từ: 11h25 - 13h55
3. Vệ sinh	
MT3 : Trẻ biết thực hiện được các thao tác vệ sinh cá nhân : rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... + Rửa mặt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT4: Trẻ biết giữ gìn môi trường xung quanh trong và ngoài lớp học, đồ dùng, đồ chơi.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh môi trường: + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và phân loại xử lý rác thải, nước thải. + Sử dụng nước tiết kiệm
4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
MT5: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần trên năm, Theo dõi, đánh giá sự phát triển	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). - Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo

của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 3 lần / năm. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. + Trẻ trai: Cân nặng: 12,7 – 21,1kg Chiều cao: 94,9 – 111,7cm + Trẻ gái: Cân nặng: 12,3 – 21,5kg Chiều cao: 94,1 – 111,3 + Theo dõi, đánh giá sự phát triển SDD và béo phì (nếu có).	lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3). - Có giải pháp kịp thời với trẻ suy dinh dưỡng: Bổ sung chất đạm, sữa, canxi. - Đối với những trẻ béo phì: giảm chất béo, tăng cường vitamin và chất xơ trong thực đơn hàng ngày.
MT6: Trẻ có kỹ năng phòng tránh các dịch bệnh thường gặp xảy ra tại lớp. Trẻ được theo dõi Tiêm chủng theo quy định. - Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu...). - Tiêm chủng: uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp - Môi trường giáo dục đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ. - <i>Các hành vi, quy tắc bảo đảm an toàn cho bản thân và người khác.</i> - <i>Thực hiện tốt các thói quen an toàn cá nhân, chơi an toàn, chơi các trò chơi mạnh dạn.</i> - <i>Môi trường vận động là an toàn với trẻ: không có chỗ đi mấp mô, trơn trượt, không có góc cạnh của cánh cửa, giá đồ chơi ngoài trời</i>

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

Mục tiêu	Nội dung
1. Lĩnh vực phát triển thể chất	
1.1. Phát triển vận động	
<i>a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>	
MT07: Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ + Co duỗi chân <i>+ Tập luyện cơ thể khoẻ mạnh và có trạng thái thoải mái về thể chất, tinh thần.</i>
<i>b. Thực hiện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.</i>	
MT8: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi:	+ Đi kiễng gót liên tục 3 m + Đi hết đoạn đường hẹp (3x0.2m)
MT9: Trẻ kiểm soát được vận động đi thay đổi tốc	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh

độ theo hiệu lệnh, đi đổi hướng theo đường đích dắc.	- Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc
MT10: Trẻ kiểm soát được vận động chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, theo hướng đích dắc	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc
MT11: Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong vận động chạy liên tục theo hướng thẳng	- Chạy 15 m liên tục theo hướng thẳng
MT12 Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động Lăn, Đập, Tung bắt bóng <i>- Mọi trẻ (trai, gái) được tạo cơ hội như nhau trong tập luyện, tham gia vào các hoạt động thể chất, vận động.</i> <i>- Trẻ có thể được dùng quả bóng to- nhỏ hơn, có mặt trơn- nhám hơn...(QCN)</i>	- Lăn và bắt bóng với cô - Đập và bắt bóng (Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm). - Tung bắt bóng với cô (Bắt được 3 lần liên tục không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m)
MT12a Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động Lăn bắt bóng	- Lăn và bắt bóng với cô
MT12b Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động Đập và bắt bóng (<i>Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm);</i>	- Đập và bắt bóng (Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).
MT12c Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động Tung bắt bóng với cô (<i>Bắt được 3 lần liên tục không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m)</i>	- Tung bắt bóng với cô (Bắt được 3 lần liên tục không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m)
MT13: Trẻ biết thực hiện vận động chuyển bóng theo hàng ngang, dọc	- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc
MT14: Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong vận động bò .	- Bò theo hướng thẳng, đích dắc - Bò chui qua cổng. - Bò trong đường hẹp (3m x 0, 4 m) không chệch ra ngoài.
MT15: Trẻ biết phối hợp các vận động tay, chân, cơ thể trong vận động tác trườn	- Trườn theo hướng thẳng - Trườn theo đường đích dắc
MT16: Trẻ có thể bước lên, xuống bậc cao (cao	- Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).

30cm).	
MT17: Trẻ biết bật bằng 2 chân	- Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20-25 cm
MT18: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, nhẹn khéo trong thực hiện bài tập: Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng.	- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng
MT19: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động ném	- Ném trúng đích ngang (xa 1.5 m). - Ném xa bằng 1 tay
MT20: Trẻ có thể thực hiện 2 vận động cơ bản theo khả năng hoặc theo yêu cầu.	- Bài tập tổng hợp - <i>Bò chui qua cổng, bật về phía trước</i> - <i>Tôn trọng ý kiến của trẻ về đề xuất các trò chơi, sắp xếp không gian vận động...</i>
c. Thực hiện các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ:	
MT21: Trẻ thực hiện được các vận động:	- Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
MT22: Phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	- Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn dài 10 cm - Xếp chồng 8-10 khối không đồ - Đan, tết Xé, dán giấy - Tô vẽ nguyệt ch ngoạc - Cài, cởi cúc
1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
a. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe:	
MT23: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc ảnh(thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Gọi tên, nhận biết của một số loại rau củ, quả, thực phẩm quen thuộc mà trẻ biết(Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)
MT24: Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày	- Nhận biết, tên gọi, cách chế biến, bảo quản một số món ăn

	thông dụng hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...
MT25: Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày, - Lợi ích của việc lựa chọn thực phẩm đồ ăn, đồ uống ăn uống lành mạnh, an toàn. - Ăn uống đầy đủ, hợp lý và lành mạnh: - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật. (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì..) - Thói quen tốt trong dinh dưỡng và vận động. + Ăn uống đảm bảo vệ sinh: ăn thức ăn nấu chín, uống nước đun sôi, không ăn những thức ăn có thể gây ngộ độc. + Từ chối thực phẩm không lành mạnh: hạn chế ăn/uống thực phẩm và đồ uống có nhiều đường bổ sung, chất béo rắn và natri(nước ngọt có ga, xúc xích, ...) và các thực phẩm chiên, xào, nướng.. - Lợi ích của việc thực hành thói quen ăn uống lành mạnh: thử thức ăn mới, uống nhiều nước, ăn sáng mỗi ngày;
b. Thực hiện làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
MT26: Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo... - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
MT27: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc, đúng cách. - Trẻ có hành vi văn minh trong ăn uống, sinh hoạt	- <i>Hành vi văn minh trong ăn uống , sinh hoạt (uống nước đã đun sôi, rót vừa lượng nước để uống , tự uống nước khi khát)</i> - <i>Sử dụng cầm thìa bằng tay phải, cầm bát bằng tay trái, cầm cốc ở quai đúng kí hiệu.</i> - <i>Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn từ bát của mình sang bát của bạn, nhặt thức ăn rơi vãi vào đĩa.</i>

	- Thực hiện hành vi văn hoá, vệ sinh trong ăn uống.
c. Có một số hành vi thói quen tốt trong sinh hoạt, giữ gìn sức khỏe	
MT28 : Trẻ biết được một số biểu hiện khi ốm	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm: Nóng sốt, mệt mỏi, đau đầu... - Biết nói với người lớn khi đau, chảy máu.
MT29: Có một hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - <i>Chấp nhận vệ sinh răng miệng.</i> - <i>Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh..., đi giày dép đi học.</i>	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Chấp nhận vệ sinh răng miệng. Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh..., đi giày dép đi học - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - <i>Trang phục theo thời tiết</i>
d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT30: Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm (QCN)	- Nhận biết và phòng tránh một số vật dụng nguy hiểm bàn là, bếp đang đun, xa phích nước nóng, ổ cắm điện..
MT31: Trẻ biết không được theo người lạ ra khỏi trường (QCN)	- Biết và phân biệt người quen, người lạ, không được theo người lạ ra khỏi trường.
MT32: Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. (QCN)	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật sắc nhọn gây nguy hiểm đến tính mạng - Không đùa cợt trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp - Quy tắc an toàn khi di chuyển: lên xuống cầu thang bộ, thang máy; tham gia giao thông: đi buýt, đi xe đạp, xe ô tô (ngồi ở ghế sau, sử dụng dây đai an toàn cho trẻ em) xe buýt(an toàn

	khi lên xuống xe và khi đi trên xe buýt) - Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở. - Các tình huống khẩn cấp: bị thương, bị đi lạc, hỏa hoạn, đuối nước, thiên tai,...
MT32a: Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. (QCN): - <i>Những nơi không an toàn</i> - <i>Những vật sắc nhọn</i> - <i>Đùa cợt khi ăn, uống</i> - <i>Tự lấy thuốc uống</i> - <i>Leo trèo bàn ghế, lan can</i> - <i>Theo người lạ</i>	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật sắc nhọn gây nguy hiểm đến tính mạng - Không đùa cợt trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp Các tình huống khẩn cấp: bị thương, bị đi lạc, hỏa hoạn, đuối nước, thiên tai,...
MT32b: Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. (QCN) - <i>Biết quy tắc an toàn khi di chuyển</i>	- Quy tắc an toàn khi di chuyển: lên xuống cầu thang bộ, thang máy; tham gia giao thông: đi buýt, đi xe đạp, xe ô tô (ngồi ở ghế sau, sử dụng dây đai an toàn cho trẻ em) xe buýt(an toàn khi lên xuống xe và khi đi trên xe buýt)
MT32c : Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. (QCN) - <i>Những nơi nguy hiểm</i> - <i>Biết cách xử lý những tình huống khẩn cấp</i>	- Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở. - Các tình huống khẩn cấp: bị thương, bị đi lạc, hỏa hoạn, đuối nước, thiên tai,...
2. Phát triển nhận thức	
2.1 Khám phá khoa học	
MT33: Trẻ biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. Sự giống và khác	- Tên gọi chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.

nhau giữa mọi người về đặc điểm, về hình dáng bên ngoài, hình dáng, tính cách. (QCN) - <i>Trẻ biết bảo vệ bản thân tránh xâm hại</i>	- Sự giống và khác nhau giữa mọi người về đặc điểm, về hình dáng bên ngoài, hình dáng, tính cách. (QCN) - <i>Bảo vệ bản thân: Ai được phép chạm vào cơ thể của mình và ai không được được phép</i> - <i>Cách giữ gìn vệ sinh, bảo vệ các bộ phận trên cơ thể người.</i> - <i>Học cách không tự ý xâm phạm đến cơ thể của người khác</i>
MT34: Trẻ nhận biết đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi <i>gắn gũi, quen thuộc</i> - <i>Giữ gìn đồ dùng, đồ chơi</i>	- Đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi <i>gắn gũi, quen thuộc</i> - <i>Giữ gìn lấy và cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định</i>
MT35: Trẻ biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - <i>Trẻ biết các dấu hiệu giao thông cơ bản (Tôi yêu Việt Nam)</i>	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - <i>Giới thiệu các biểu tượng giao thông đơn giản như đèn giao thông, biển báo dừng, và đi bộ qua đường an toàn qua tranh ảnh và trò chơi.</i>
MT36: Trẻ biết đặc điểm nổi bật và ích lợi của, cây, hoa, củ, quả quen thuộc. (Cây na) VHVM	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây, hoa, củ, quả quen thuộc. (Cây na) cây chuối, xoài, hoa hồng...
MT37: Trẻ biết sự cần thiết của việc chăm sóc, tưới cây.	- Cách chăm sóc và bảo vệ cây
MT38: Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của một số con vật. (Nhóm chim, nhóm thú, nhóm cá...)	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật và ích lợi của một số con vật gần gũi. <i>Nhóm chim, nhóm thú, nhóm cá...</i>
MT39: Trẻ biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
MT39a: Trẻ biết mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống của chúng (cây: đất - nước- ánh sáng)	- Mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống của chúng (cây: đất - nước- ánh sáng)
MT39b: Trẻ biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật,	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi

quen thuộc với môi trường sống của chúng (<i>con vật: nơi ở - thức ăn</i>)	trường sống của chúng (<i>con vật: nơi ở - thức ăn</i>)
MT40: Trẻ nhận biết về thời tiết.	- Hiện tượng: Nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.
MT41: Trẻ nhận biết phân biệt ngày và đêm.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm,
MT42: Trẻ hiểu biết về không khí, ánh sáng, nước, đất, đá, cát, sỏi. - Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng	- Một vài đặc điểm, tính chất của không khí, ánh sáng, nước, đất, đá, cát, sỏi. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. Nước lọc, nước máy... - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày. - Thực hiện một số hoạt động thí nghiệm, khám phá: Thí nghiệm vật nổi vật chìm, nóng và lạnh... - Đánh giá nhận xét, kết luận về sự vật hiện tượng.
2.2 Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
a. Tập hợp, số lượng số thứ tự và đếm	
MT43: Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5.
MT44: Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm theo khả năng.
MT45: Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại, tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm có số lượng trong phạm vi 5	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT45a: Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có số lượng trong phạm vi 5	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.

MT45b: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm có số lượng trong phạm vi 5	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT46: So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- 1 và nhiều
b. Xếp tương ứng	
MT47: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản(mẫu) và sao chép lại	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
c. So sánh, sắp xếp theo quy tắc	
MT48: Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được từ to hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn và bằng nhau,	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.
MT49: Trẻ biết xếp xen kẽ	- Xếp xen kẽ
d, Hình dạng:	
MT50: Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông tam giác, chữ nhật. Sử dụng các hình học để lắp ghép	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình học để lắp ghép
đ. Định hướng trong không gian	
MT55: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
2.3 Khám phá xã hội	
a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT56: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. Trẻ nói được tên, của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình

hỏi ,trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình <i>- Biết được các quyền, nghĩa vụ/bổn phận với bản thân với người khác</i>	- Tên xóm, thôn, xã... của gia đình và của lớp học.
MT56a: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. <i>- Biết được các quyền, nghĩa vụ/bổn phận với bản thân với người khác</i>	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. <i>- Đặc điểm giống và khác nhau của bạn trai và bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai, bạn gái. Ứng xử công bằng.</i> <i>- Thực hiện quyền và bổn phận của trẻ (với bản thân, với người khác).</i> <i>- Cơ thể mỗi người cần được tôn trọng.</i> <i>- Học cách không tự ý xâm phạm đến cơ thể của người khác</i>
MT56b: Trẻ nói được tên, của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi ,trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình <i>- Biết được các quyền, nghĩa vụ/bổn phận với bản thân với gia đình</i>	- Tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình - Tên xóm, thôn, xã... của gia đình và của lớp học. <i>- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ/bổn phận với bản thân với gia đình</i> <i>- Tất cả mọi người đều quan trọng có quyền đối xử một cách tôn trọng, đều được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ.</i>
MT57: Trẻ nói được tên lớp/ tên trường, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng công việc của cô giáo. Trẻ biết công việc của các cô giáo trong trường, lớp của mình	- Tên trường, lớp, tên cô giáo, các bạn của bản thân. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. - Công việc của các cô giáo trong trường, lớp của mình.
b. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT58: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng. Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật , ích lợi của một số nghề truyền thống.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến - Tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của một số sản phẩm của nghề truyền thống.

MT58a: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng.....	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một nghề phổ biến
MT58b: Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của một số nghề truyền thống.	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của một số sản phẩm của nghề truyền thống.
c.Nhận biết một số lễ hội danh lam thắng cảnh	
MT59: Trẻ biết tên được một số lễ hội trong trường mầm non và tại địa phương.	- Tên gọi, ý nghĩa một số ngày lễ, hội trong trường mầm non. - Các hoạt động trong ngày lễ. - <i>Kể tên, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các ngày lễ hội do Trường Mầm non An Sinh B tổ chức (Ngày khai giảng, Ngày tết trung thu. Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 . Ngày QTPN 8/3...)</i> - <i>Kể tên, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của địa phương, quê hương Đông Triều (Lễ hội Chùa ngọc vân, Đền Sinh,...)</i>
MT60: Trẻ biết cờ tổ quốc, biết tên di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh ở địa phương (Đền nhà Trần, Khe chè, Đền Thái Miếu, Ngọc Vân...)VHVM	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh của quê hương (Đền nhà Trần, Khe chè, Đền Thái Miếu, Ngọc Vân...) VHVM
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
3.1. Nghe hiểu lời nói	
MT61: Trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”...
MT62: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi, quen thuộc.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật,...gần gũi, quen thuộc.
MT63: Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại. <i>Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè</i>	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Chú ý lắng nghe, không ngắt lời, chờ đến lượt mình nói. - <i>Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi</i>

<i>phù hợp với độ tuổi.</i>	
MT63a: Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Chú ý lắng nghe, không ngắt lời, chờ đến lượt mình nói
MT63b: <i>Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</i>	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi
3.2 Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT64: Trẻ biết nói rõ các tiếng. Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.	- Phát âm các tiếng của tiếng việt - Nói rõ ràng - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp - Mạnh dạn, điều chỉnh giọng phù hợp: Không la hét, nói quá to hay lí nhí. Giơ tay trong giờ học khi muốn nói, chờ tới lượt nói.
MT65: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Nghe sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động
MT66: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng
MT67: Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim....	- Kể lại được sự việc đã diễn ra của bản thân. - Trả lời và đặt câu hỏi : ai?, cái gì? ở đâu? Khi nào ?
MT68: Trẻ đọc thuộc bài thơ đồng dao, ca dao	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
MT69: Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự hướng dẫn của người lớn	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe
MT70: Trẻ bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên

MT71: Trẻ sử dụng được các từ: vâng ạ”..” Dạ”: “ Thưa”.. trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. Lễ phép (thừa gửi khi xin phép , biết xưng hô ...) biết cảm ơn, xin lỗi; giờ tay trong giờ học khi muốn nói chờ tới lượt nói.
3.3 Làm quen với việc đọc và viết	
MT72: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
MT73: Trẻ biết cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và “đọc” truyện. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện - Giữ gìn sách - Được tiếp xúc với chữ, sách truyện - Làm quen với cách đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ
MT74: Trẻ được làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt. Trẻ thích vẽ, “ viết” nghịch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết Tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
MT75: Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (QCN)	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, biển báo giao thông, đường
4. Phát triển tình cảm và kỹ năng Xã hội	
Phát triển tình cảm	
4.1 Thể hiện ý thức về bản thân	
MT76: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. (QCN)	- Tên, tuổi, giới tính - Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân
MT77: Trẻ nói được điều bé thích hay không thích (QCN)	- Những điều bé thích, không thích.
4.2 Thể hiện sự tự tin, tự lực	

MT78: Trẻ thể hiện mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi	- Tham gia các hoạt động múa hát, tập thể dục, chơi đồ chơi... cùng bạn - Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.
MT79: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	- Chấp nhận sự phân công của người lớn - Thực hiện công việc đơn giản được cô giáo giao
4.3 Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh	
MT80: Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc(vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động
MT81: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ
MT82: Trẻ biết quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước, <i>Đền Thái Miếu, Chùa Ngọa Vân</i>	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước <i>Đền Thái Miếu, Chùa Ngọa Vân</i>
Phát triển kỹ năng xã hội	
4.4 Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT83: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình	- Thực hiện một số qui định ở lớp và gia đình; Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ .
MT84: Trẻ biết yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột. Yêu thương bản thân, tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác. (QCN)	- Yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột - Yêu thương bản thân, tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác.
MT85: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Thực hiện một số hành vi văn hoá và giao tiếp: Chào tạm, cảm ơn. - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi cảm ơn)
MT86: Trẻ biết chờ đến lượt	- Chú ý nghe khi cô và bạn nói

	- Chờ đến lượt
MT87: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn - Chờ đến lượt - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.
MT88: Trẻ nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” – “xấu” - <i>Trẻ nhận biết một số quy tắc giao thông cơ bản. (Tôi yêu Việt Nam)</i>	- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” – “xấu” - <i>Trẻ hiểu và thực hành quy tắc giao thông cơ bản, chẳng hạn như đi bộ trên vỉa hè và dừng lại khi đèn đỏ</i>
4.5 Quan tâm đến môi trường	
MT89: Trẻ biết tiết kiệm điện, nước	- Không vặn vòi nước khi chưa rửa tay, tắt vòi nước sau khi dùng xong - Không bật quạt khi đi chỗ khác chơi, tắt quạt, điện khi ra khỏi phòng.
MT90: Trẻ biết giữ gìn vệ sinh môi trường	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Không bẻ cành cây vứt ra sân trường
MT91: Trẻ biết bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	- Không đánh các con vật nuôi trong gia đình - Yêu và bảo vệ con vật - Không ngắt hoa, bẻ cành các loại cây cảnh trong vườn. - Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và tham gia chăm sóc cây
5. Phát triển thẩm mỹ	
5.1 Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống nghệ thuật.	
MT92: Trẻ biết vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng ...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
MT93: Trẻ cảm nhận và thể cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. <i>Trẻ biết bộc lộ cảm xúc, thái độ trân trọng trước cái đẹp và sản phẩm nghệ thuật. (QCN)</i>	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên - Nghe các bài hát, bản nhạc thiếu nhi, dân ca (<i>các thể loại âm</i>

	<i>nhạc trong nước và quốc tế)</i> <i>- Bộc lộ cảm xúc, thái độ trân trọng trước cái đẹp và sản phẩm nghệ thuật. (QCN)</i>
5.2 Thực hiện một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.	
MT94: Trẻ chú ý nghe thích được hát theo, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc (<i>Nhạc cổ điển, nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương (hát then, hát soong cô.....), thích đọc, nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ ,thích nghe kể câu chuyện</i>	- Vận động theo ý thích khi được nghe đọc thơ, đồng da, ca dao, - Nghe các bài hát, bản nhạc (<i>Nhạc cổ điển, nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương (hát then, hát soong cô.....),</i> - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc (<i>Nhạc cổ điển, nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương</i> - Nghe đọc thơ, đồng dao, tục ngữ ,thích nghe kể câu chuyện
MT95: Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. Trẻ biết thực hiện vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc(vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát, hát tự nhiên - Vận động đơn giản theo giai điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp
MT96: Trẻ biết sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm
MT97: Trẻ biết sử dụng các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản, biết tô màu theo sự hướng dẫn.	- Vẽ các nét thẳng, nét xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản, biết tô màu theo sự hướng dẫn.
MT98: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT99: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản

thành sản phẩm có một khối hoặc hai khối.	
MT100: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách để tạo thành sản phẩm có cấu trúc đơn giản
MT101: Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình
5.3 Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động nghệ thuật (Âm nhạc, tạo hình)	
MT102: Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc (<i>Nhạc cổ điển, nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương (hát then, hát soong cô.....)</i>),	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc (<i>Nhạc cổ điển, nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương (hát then, hát soong cô.....)</i>), - Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động âm nhạc (<i>Nhạc cổ điển, nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương (hát then, hát soong cô.....)</i>),
MT103: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. <i>Trẻ có khả năng thiết kế một số sản phẩm có tính ứng dụng gần gũi trong cuộc sống theo chủ đề.</i>	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích - Tạo ra sản phẩm theo sự sáng tạo của trẻ. - Tạo ra một số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày theo chủ đề.
MT104: Trẻ thích thú giữ gìn sản phẩm mình tạo ra. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Không phá sản phẩm đã tạo ra. - Thích thú giữ gìn sản phẩm mình tạo ra. - Đặt tên cho sản phẩm của mình

*** Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện :**

TT CĐ	TT tuần	Tên chủ đề dự kiến	Số tuần và thời gian thực hiện	Những ngày lễ lớn trong năm
1		TRƯỜNG MẦM NON	4 tuần (Từ 9/9/2024 đến 04/10/2024)	
	1	Trường mầm non của bé	1 tuần (từ 09/9/2024 đến 13/9/2024)	
	2	Vui tết trung thu	1 tuần (từ 16/9/2024 đến 20/9/2024)	Tết trung thu
	3	Lớp mẫu giáo yêu thương	1 tuần (từ 23/9/2024 đến 27/9/2024)	
	4	Đồ dung đồ chơi trong lớp	1 tuần (từ 30/9/2024 đến 04/10/2024)	
2		BẢN THÂN	4 tuần (Từ 07/10/2024 đến 01/11/2024)	
	5	Bé là ai?	1 tuần (từ 07/10/2024 đến 11/10/2024)	
	6	Ngày hội của các bà và mẹ	1 tuần (từ 14/10/2024 đến 18/10/2024)	Ngày phụ nữ VN
	7	Cơ thể bé	1 tuần (từ 21/10/2024 đến 25/10/2024)	
	8	Bé cần gì để khỏe mạnh?	1 tuần (từ 28/10/2024 đến 01/11/2024)	
3		GIA ĐÌNH CỦA BÉ	4 tuần (Từ 04/11/2024 đến 29/11/2024)	
	9	Gia đình của bé	1 tuần (từ 04/11/2024 đến 08/11/2024)	
	10	Những người thân yêu trong gia đình	1 tuần (từ 11/11/2024 đến 15/11/2024)	
	11	Ngày hội của cô giáo	1 tuần (từ 18/11/2024 đến 22/11/2024)	Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11
	12	Đồ dùng trong gia đình bé	1 tuần (từ 25/11/2024 đến 29/11/2024)	

4		NGHỀ NGHIỆP	4 tuần (Từ 02/12/2024 đến 27/12/2024)	
	13	Nghề xây dựng	1 tuần (từ 02/12/2024 đến 6/12/2024)	
	14	Nghề sản xuất	1 tuần (từ 09/12/2024 đến 13/12/2024)	
	15	Nghề phổ biến	1 tuần (từ 16/12/2024 đến 20/12/2024)	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam
	16	Cháu yêu chú bộ đội	1 tuần (từ 23/12/2023 đến 27/12/2024)	
5		THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT	4 tuần (Từ 30/12/2024 đến 24/01/2025)	
	17	Một số động vật thuộc nhóm thú	1 tuần (từ 30/12/2024 đến 3/1/2025)	
	18	Một động vật thuộc nhóm cá	1 tuần (từ 06/12/2024 đến 10/01/2025)	
	19	Một số động vật thuộc nhóm chim	1 tuần (từ 13/1/2025 đến 17/01/2025)	
6		TẾT NGUYÊN ĐÁN MÙA XUÂN VÀ LỄ HỘI QUÊ HƯƠNG	3 tuần (Từ 20/01/2025 đến 21/02/2025)	
	21	Tết nguyên đán	1 tuần (từ 20/01/2025 đến 24/01/2025)	
	22	Nghỉ tết nguyên đán (Từ 27/01/2025 đến 7/02/2025)		
	23	Mùa xuân	1 tuần (từ 10/02/2024 đến 14/02/2025)	
	24	Lễ hội quê hương.	1 tuần (từ 17/02/2025 đến 21/02/2025)	

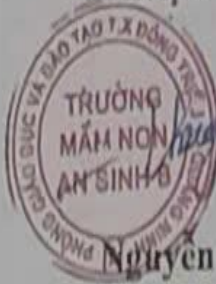
7		THẾ GIỚI THỰC VẬT	4 tuần (từ 24/02/2025 đến 21/03/2025)	
	24	Em yêu cây xanh	1 tuần (từ 24/02/2025 đến 28/02/2025)	
	25	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3	1 tuần (từ 03/03/2024 đến 07/03/2024)	Quốc tế phụ nữ
	26	Một số loài hoa	1 tuần (từ 10/03/2025 đến 14/03/2025)	
	27	Một số loại rau, củ, quả	1 tuần (từ 17/03/2025 đến 21/03/2025)	
8		GIAO THÔNG	3tuần (Từ 24 /03/2025 đến 11/04/2025)	
	28	Một số phương tiện giao thông đường bộ	1 tuần (từ 24/03/2025 đến 28/03/2025)	
	29	Một số phương tiện giao thông đường thủy	1 tuần (từ 31/04/2025 đến 04/04/2025)	
	30	Một số quy định giao thông	1 tuần (từ 7/04/2025 đến 11/04/2025)	
9		NƯỚC VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN	3 tuần (Từ 14/04/2025 đến 02/05/2025)	
	31	Một số hiện tượng thời tiết và mùa	1 tuần (từ 14/04/2025 đến 18/04/2025)	
	32	Mùa hè – mùa mưa	1 tuần (từ 21/04/2025 đến 25/04/2025)	
	33	Sự kì diệu của nước	1 tuần (từ 28/04/2025 đến 02/05/2025)	Giải phóng miền
10		QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC, BÁC HỒ	3 tuần (Từ 5/05/2025 đến 23/05/2025)	
	34	Quê hương	1 tuần (từ 05/05/2025 đến 9/05/2024)	
	35	Đất nước	1 tuần (từ 12/05/2025 đến 16/05/2025)	
	36	Bác Hồ	1 tuần (từ 19/05/2025 đến 23/05/2025)	Sinh nhật bác Hồ

* Đánh giá kết quả thực hiện (Có phụ lục kèm theo)

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học của lớp mẫu giáo 3 tuổi 1 năm học 2024 - 2025. Đề nghị Ban giám hiệu nhà trường xét duyệt và cho ý kiến chỉ đạo thực hiện.

Xác nhận của nhà trường

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mùi

Xác nhận của tổ CM

Tổ trưởng

Đỗ Thị Khanh

An Sinh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

Giáo viên thực hiện kế hoạch

Nguyễn Thị Thúy

Trần Thị Sang

